TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2020/KDTM-PT
Ngày: 11/05/2020.
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Giang- Thư ký Toà án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh -Kiểm sát viên.

Trong các ngày08và 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2020/KTPT ngày 03/01/2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXX-PT ngày 28/2/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐ-HPT ngày 12/3/2020, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 192/2020/TB-TA ngày 03/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giữa:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng N
Địa chỉ tại: Số 198 T , Phường L , Quận H , thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn Đ , sinh năm 1985, chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng N chi nhánh Thăng Long, có địa chỉ tại: số 148 H, quận C , Hà Nội.
Ông Đ có mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn:* Công ty CP dịch vụ viễn thông A
Trụ sở: số 25, ngõ 36 phố T , phường T1, quận C , thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: bà Hoàng Thanh T , chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H , sinh năm 1974, có địa chỉ tại: P202, Tòa nhà 1 phố H , phường N , quận T , thành phố Hà Nội.
Ông H có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Ngân hàng N - Chi nhánh Thăng Long (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng/Viet)

đã ký 25 hợp đồng tín dụng vớiCông ty CP dịch vụ viễn thông A (Sau đây gọi tắt là Công ty A) với mục đích vay vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh là thanh toán tiền mua thép.

Cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 105/14/NHTL.TL ngày 16/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 107/14/NHTL.TL ngày 17/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 115/14/NHTL.TL ngày 22/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 116/14/NHTL.TL ngày 22/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 117/14/NHTL.TL ngày 22/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 124/14/NHTL.TL ngày 24/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 15/14/NHTL.TL ngày 20/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 155/14/NHTL.TL ngày 13/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 158/14/NHTL.TL ngày 14/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 163/14/NHTL.TL ngày 16/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 171/14/NHTL.TL ngày 26/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 177/14/NHTL.TL ngày 29/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 185/14/NHTL.TL ngày 30/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 194/14/NHTL.TL ngày 10/6/2014, Hợp đồng tín dụng số 200/14/NHTL.TL ngày 17/06/2014, Hợp đồng tín dụng số 205/14/NHTL.TL ngày 23/06/2014, Hợp đồng tín dụng số 23/14/NHTL.TL ngày 23/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 26/14/NHTL.TL ngày 24/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 27/14/NHTL.TL ngày 27/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 32/14/NHTL.TL ngày 10/2/2014, Hợp đồng tín dụng số 34/14/NHTL.TL ngày 11/2/2014, Hợp đồng tín dụng số 40/14/NHTL.TL ngày 18/02/2014, Hợp đồng tín dụng số 42/14/NHTL.TL ngày 19/02/2014, Hợp đồng tín dụng số 58/14/NHTL.TL ngày 12/3/2014, Hợp đồng tín dụng số 74/14/NHTL.TL ngày 24/03/2014.

Tại thời điểm cấp tín dụng, khoản nợ của công ty được đảm bảo bằng các tài sản sau:

1.Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 3 - B3, ngõ 222A, phố Đ, phường C, quận B, TP Hà Nội thuộc sở hữu của ông Phạm Duy và bà Vũ Kim C theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101155654 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 01/03/2004.

2. Máy đào bánh xích Komatsu PC1100-6 (số khung PC1100-10025, số động cơ: 22001) và Máy đào bánh xích Komatsu PC1000-1 (số khung PC1000-10319, số động cơ: 6D170-1-16803) thuộc sở hữu của Công ty CP dịch vụ viễn thông A (02 máy đào bánh xích).

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Thôn C , xã X , huyện T, thành phố Hà Nội thuộc sở hữu của ông Dương Minh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H1208, số QĐ 2700/QĐ-UB do UBND huyện T , thành phố Hà Nội cấp ngày 27/10/2006, đăng ký sang tên bà Chu Ngọc Huệ ngày 07/01/2013.

Qúa trình thực hiện các hợp đồng tín dụng: ngân hàng đã giải ngân số tiền vay của 25 hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền 27.491.954.355 đồng. Công ty A phát sinh nợ xấu từ tháng 10/2014. Kể từ khi phát sinh nợ xấu, công ty không có nguồn trả nợ, vì vậy Ngân hàng đã yêu cầu công ty và các bên bảo lãnh phối hợp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trong quá trình xử lý nợ xấu, trên cơ sở thỏa thuận giữa Ngân hàng, Công ty A và Bên bảo đảm đã xử lý các tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi nợ. Tính đến ngày 31/5/2019, Công ty A mới thanh toán cho ngân hàng nợ gốc là 19.507.137.303 đồng, nợ lãi trong hạn là 954.424.320 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.223.631 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu Công ty A thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên, Công ty A vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng và liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Ngày 12/3/2018,Ngân hàng đã có đơn khởi kiện Công ty A , yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

- Tuyên buộc Công ty A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 31/05/2019 là: 17.166.870.972 đồng, trong đó: Nợ gốc: 7.269.787.058 đồng; Nợ lãi trong hạn: 7.697.867.406 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.199.216.508 đồng.

- Tuyên buộc Công ty A phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Công ty A trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N .

2. Công ty A không còn hoạt động tại trụ sở theo đăng ký kinh doanh và cũng không có địa chỉ để lại, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt văn bản tố tụng cho bà Hoàng Thanh T , giám đốc công ty - người đại diện theo pháp luật của Công ty A . Nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn vắng mặt trong các buổi làm việc và phiên tòa sơ thẩm.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc Công ty A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/10/2019) là 17,512,877,813 đồng. Cụ thể:

TT	Hợp đồng tín dụng	Giá trị hợp đồng	Nợ gốc đến hết 23/10/2019	Nợ lãi đến hết ngày 23/10/2019		Tổng cộng
				Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	
1	105/14/NHTL.TL	1.001.560.000	-	305,727,466	87,227,757	392,955,223
2	107/14/NHTL.TL	393.592.091	-	137,429,238	38,572,025	176,001,263
3	115/14/NHTL.TL	1.230.637.277	-	437,520,389	122,436,550	559,956,939
4	116/14/NHTL.TL	336.210.674	-	120,662,275	33,789,173	154,451,448
5	117/14/NHTL.TL	348.976.540	-	125,276,109	35,081,834	160,357,943
6	124/14/NHTL.TL	1.039.354.291	-	373,878,835	104,541,719	478,420,554
7	15/14/NHTL.TL	667.680.000	-	17,923,334	5,652,500	23,575,834
8	155/14/NHTL.TL	648.851.000	-	206,005,986	56,743,907	262,749,893
9	158/14/NHTL.TL	160.647.685	-	54,899,116	15,083,479	69,982,595
10	163/14/NHTL.TL	382.770.000	-	131,810,891	36,149,373	167,960,264
11	171/14/NHTL.TL	775.264.000	-	267,799,874	72,913,579	340,713,453
12	177/14/NHTL.TL	3.261.349.994	2,996,026,008	1,495,991,930	417,350,079	4,909,368,017
13	185/14/NHTL.TL	309.571.050	309,571,050	156,359,178	43,819,782	509,750,010
14	194/14/NHTL.TL	694.459.400	694,459,400	332,298,823	92,606,161	1,119,364,384
15	200/14/NHTL.TL	1.768.054.200	1,768,054,200	846,013,934	234,974,402	2,849,042,536

TT	Hợp đồng tín dụng	Giá trị hợp đồng	Nợ gốc đến hết 23/10/2019	Nợ lãi đến hết ngày 23/10/2019		Tổng cộng
				Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	
16	205/14/NHTL.TL	1.501.676.400	1,501,676,400	718,552,157	198,897,039	2,419,125,596
17	23/14/NHTL.TL	2.200.746.840	-	346,006,309	109,120,364	455,126,673
18	26/14/NHTL.TL	777.458.440	-	122,233,744	38,548,981	160,782,725
19	27/14/NHTL.TL	6.393.121.020	-	1,081,940,978	337,240,361	1,419,181,339
20	32/14/NHTL.TL	1.011.050.000	-	158,959,528	48,951,671	207,911,199
21	34/14/NHTL.TL	308.631.213	-	48,523,685	14,942,895	63,466,580
22	40/14/NHTL.TL	844.112.100	-	166,165,592	50,412,419	216,578,011
23	42/14/NHTL.TL	389.317.720	-	77,214,682	23,391,506	100,606,188
24	58/14/NHTL.TL	446.862.420	-	88,832,463	26,016,684	114,849,147
25	74/14/NHTL.TL	600.000.000	-	146,000,000	34,600,000	180,600,000
	Tổng cộng	**27.491.954.355**	**7,269,787,058**	**7,964,026,515**	**2,279,064,240**	**17,512,877,813**

Đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2019/KDTM-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân quận C đã xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần N đối với Công ty cổ phần dịch vụ viễn thông A theo 25Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 105/14/NHTL.TL ngày 16/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 107/14/NHTL.TL ngày 17/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 115/14/NHTL.TL ngày 22/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 116/14/NHTL.TL ngày 22/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 117/14/NHTL.TL ngày 22/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 124/14/NHTL.TL ngày 24/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 15/14/NHTL.TL ngày 20/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 155/14/NHTL.TL ngày 13/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 158/14/NHTL.TL ngày 14/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 163/14/NHTL.TL ngày 16/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 171/14/NHTL.TL ngày 26/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 177/14/NHTL.TL ngày 29/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 185/14/NHTL.TL ngày 30/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 194/14/NHTL.TL ngày 10/6/2014, Hợp đồng tín dụng số 200/14/NHTL.TL ngày 17/06/2014, Hợp đồng tín dụng số 205/14/NHTL.TL ngày 23/06/2014, Hợp đồng tín dụng số 23/14/NHTL.TL ngày 23/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 26/14/NHTL.TL ngày 24/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 27/14/NHTL.TL ngày 27/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 32/14/NHTL.TL ngày 10/2/2014, Hợp đồng tín dụng số 34/14/NHTL.TL ngày 11/2/2014, Hợp đồng tín dụng số 40/14/NHTL.TL ngày 18/02/2014, Hợp đồng tín dụng số 42/14/NHTL.TL ngày 19/02/2014, Hợp đồng tín dụng số 58/14/NHTL.TL ngày 12/3/2014, Hợp đồng tín dụng số 74/14/NHTL.TL ngày 24/03/2014.

2. Buộc Công ty cổ phần dịch vụ viễn thông A phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N các khoản nợ theo 25 Hợp đồng tín dụngnêu trênnhư sau:

- Nợ gốc là 7.269.787.058 đồng.
- Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 23/10/2019 là7.964.026.515 đồng.

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/10/2019 là 2.279.064.240 đồng.

Tổng cộng là 17.512.877.813 đồng.

3. Công ty cổ phần dịch vụ viễn thông A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ đối với số tiền gốc chậm trả kể từ ngày 23/10/2019 cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 25/11/2019 bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án theo đó hủy bản án số 16/2019/KDTM-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân quận C , chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay:*

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện bị đơn trình bày vẫn giữ yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị hủy án sơ thẩm do Tòa án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong tống đạt các văn bản cho bị đơn nên không trình bày về nội dung vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:* xem xét kháng cáo của bị đơn về thủ tục tố tụng thì thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn nên không chấp nhận kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm ý án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

- Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là Công ty CP dịch vụ viễn thông A , có trụ sở tại: Số 25 ngõ 36 phố T , phường T1, quận C1, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận C thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, HĐXX phúc thẩm nhận thấy:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đương sự qua đường bưu điện nhưng không thấy bị đơn đến nên Toà án sơ thẩm đã tiến hành xác minh tống đạt tại nơi Công ty A có đăng ký kinh doanh và tại nơi ở của bà T - giám đốc công ty. Người đại diện cho bị đơn khai rằng đã gửi cho Toà án quận C tài liệu vào ngày 05/8/2019 gồm giấy uỷ quyền của giám đốc Công ty A và văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đồng thời xuất trình bản lưu phiếu gửi dịch vụ chuyển phát nhanh thể hiện ông (Nguyễn Văn H) có gửi đến Toà án quận C các giấy tờ trên và Toà án quận C đã nhận ngày 06/8/2019.

Xem xét hồ sơ vụ án thấy rằng không có các tài liệu như Ông H khai. Về vấn đề Ông H có gửi các tài liệu này hay không thì thấy tuy biên lai/ phiếu gửi do bưu điện cấp cho người gửi có ghi bản ý kiến và uỷ quyền song nội dung ghi trong phiếu gửi là do người gửi viết và trong phong bì đó có 02 tài liệu đó hay không thì không có gì là chắc chắn như ý kiến giải trình của Toà án cấp sơ thẩm. Mặt khác, trong hồ sơ vụ án các lần làm việc tiếp theo mà Toà án sơ thẩm triệu tập bà Hoàng Thanh T – giám đốc/ người đại diện theo pháp luật của Công ty A vào các ngày 18/7/2019 để tự khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; ngày 22/8/2019 để công khai chứng cứ và hoà giải lần 1; ngày 09/9/2019 để công khai chứng cứ và hoà giải lần 2; quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 04/10/2019; quyết định hoãn phiên toà ngày 04/10/2019 và mở lại phiên toà ngày 23/10/2019 đều được niêm yết hợp lệ tại nơi Công ty A có trụ sở và được giao cho mẹ đẻ của bà Hoàng Thanh T là bà Đỗ Thị H trực tiếp nhận và cam kết giao ngay cho bà Trang. Như vậy nếu có uỷ quyền thì bà T khi nhận được giấy triệu tập của Tòa án thì phải thông báo hay gửi cho người được mình uỷ quyền để đến Toà án làm việc theo giấy triệu tập. Tuy nhiên bà T đã không thông báo hay liên lạc gì với Ông H (như Ông H khai tại phiên toà). Do đó, kháng cáo của bị đơn về việc Toà án sơ thẩm tống đạt không đúng, không hợp lệ là không có căn cứ.

Về nội dung vụ án thì thấy tuy bị đơn tại phiên toà chỉ trình bày kháng cáo về tố tụng nhưng do có đơn kháng cáo toàn bộ bản án nên HĐXX phúc thẩm xem xét cả nội dung.

Ngân hàng và Công ty A đã ký kết với nhau 25 hợp đồng tín dụng từng lầnvới tổng giá trị là 27.491.954.355đồng;mục đích vay: vay vốn để thanh toán tiền mua thép; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng làn rút vốn (theo giấy nhận nợ); lãi suất: lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất cho vay ngắn hạn VNĐ theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm nhận nợ và cố định trong thời hạn hiệu lực của giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn là bằng 130% của lãi suất trong hạn.

Xét nội dung các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của bên vay và điều kiện kinh doanh của bên cho vay. Thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A đủ 27.491.954.355đồngtheo 36 lần nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty A không thực hiện đúng cam kết nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh nợ xấu, từ khi phát sinh nợ xấucông ty không có nguồn trả nợ, vì vậy Ngân hàng đã yêu cầu công ty và các bên bảo lãnh phối hợp xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Ngân hàng, Công ty A và Bên bảo đảm đã thỏa thuận xử lý các tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi nợ, ngân hàng đã thực hiện các thủ tục giải chấp các tài sản đảm bảo cho các chủ tài sản theo quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, Công ty A mới thanh toán cho ngân hàng nợ gốc là 19.507.137.303 đồng, nợ lãi trong hạn là 954.424.320 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.223.631 đồng. Hiện Công ty A còn nợ: Nợ gốc là 7.269.787.058 đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 23/10/2019 là 7.964.026.515 đồng; Nợ lãi

quá hạn tính đến ngày 23/10/2019 là 2.279.064.240 đồng; Tổng cộng là 17.512.877.813 đồngvà khoản nợ này chuyển thành khoản nợ không có tài sản đảm bảo.

Do Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện đòi nợ Công ty A trả nợ gốc và lãi có căn cứ.

Theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ thì các bên thỏa thuận lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ; trả nợ lãi từ ngày 26 đến ngày cuối cùng hàng tháng. Nguyên đơn áp dụng các quyết định điều chỉnh lãi suất của ngân hàng tại thời điểm giải ngân lần lượt là 10%, 9,5% và 9%; lãi suất quá hạn là 3%/năm, 2,85%/năm và 2,70%/năm là có căn cứ.

Do đó, Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/10/2019 là 17.512.877.813 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 7.269.787.058 đồng;

Lãi trong hạn: 7.964.026.515 đồng;

Lãi quá hạn là 2.279.064.240 đồng.

Từ những phân tích đánh giá trên, hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời đề nghị, kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 274, khoản 1 Điều 275 và Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2019/KDTMST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân quận C , thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty CP dịch vụ viễn thông A .

2. Buộc Công ty CP dịch vụ viễn thông A phải thanh toán cho Ngân hàng N các khoản nợ theo 25 Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 105/14/NHTL.TL ngày 16/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 107/14/NHTL.TL ngày 17/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 115/14/NHTL.TL ngày 22/04/2014, Hợp đồng tín dụng số

116/14/NHTL.TL ngày 22/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 117/14/NHTL.TL ngày 22/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 124/14/NHTL.TL ngày 24/04/2014, Hợp đồng tín dụng số 15/14/NHTL.TL ngày 20/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 155/14/NHTL.TL ngày 13/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 158/14/NHTL.TL ngày 14/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 163/14/NHTL.TL ngày 16/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 171/14/NHTL.TL ngày 26/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 177/14/NHTL.TL ngày 29/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 185/14/NHTL.TL ngày 30/05/2014, Hợp đồng tín dụng số 194/14/NHTL.TL ngày 10/6/2014, Hợp đồng tín dụng số 200/14/NHTL.TL ngày 17/06/2014, Hợp đồng tín dụng số 205/14/NHTL.TL ngày 23/06/2014, Hợp đồng tín dụng số 23/14/NHTL.TL ngày 23/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 26/14/NHTL.TL ngày 24/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 27/14/NHTL.TL ngày 27/01/2014, Hợp đồng tín dụng số 32/14/NHTL.TL ngày 10/2/2014, Hợp đồng tín dụng số 34/14/NHTL.TL ngày 11/2/2014, Hợp đồng tín dụng số 40/14/NHTL.TL ngày 18/02/2014, Hợp đồng tín dụng số 42/14/NHTL.TL ngày 19/02/2014, Hợp đồng tín dụng số 58/14/NHTL.TL ngày 12/3/2014, Hợp đồng tín dụng số 74/14/NHTL.TL ngày 24/03/2014 như sau:

- Nợ gốc là 7.269.787.058 đồng.

- Nợ lãi trong hạn tính đến ngày 23/10/2019 là 7.964.026.515 đồng.

- Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 23/10/2019 là 2.279.064.240 đồng.

Tổng cộng là 17.512.877.813 đồng.

3. Công ty CP dịch vụ viễn thông A phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ đối với số tiền gốc chậm trả kể từ ngày 24/10/2019 cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Công ty CP dịch vụ viễn thông A phải chịu án phí sơ thẩm là 125.526.390 đồng và 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 03074 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C , thành phố Hà Nội; Còn phải chịu 125.526.390 đồng.

- Hoàn trả Ngân hàng N số tiền 62.038.176 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 7089 ngày 07/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C , thành phố Hà Nội.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản bán phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 11/5/2020.

Nơi nhận:
- VKS ND TP Hà Nội;
- TAND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, TKT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Minh Thành